

Bản án số: 43/2020/DS - PT
Ngày: 23 - 11 - 2020
V/v: Đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Như.

Các Thẩm phán: Ông: Ngôn Ngọc Viên.

Ông: Nông Hà Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng: Ông Lục Văn Phách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLPT - DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc “Đòi lại tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đinh Thị A - Sinh năm 1969.

Địa chỉ: xóm Xóm F, xã S, huyện U, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn T - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Bị đơn: Đinh Thị B - sinh năm 1960

Địa chỉ: xóm R, S, huyện U (nay là xóm Hồng Định VI, xã Hạnh Phúc, huyện Quảng Hòa), tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Thị C - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh

Cao Bằng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn D;

2. Lã Văn Đ

Cùng địa chỉ: An Trung ngoài, Phương Định, Trục Ninh, Nam Định. Đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Nguyễn Văn E (địa chỉ: Phương Hạ, Phương Định, Trục Ninh, Nam Định). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Nguyễn Văn Văn G (địa chỉ: Đội 9, Giao Tiến, Giao Thủy, Nam Định). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

5. Phùng Thị H (địa chỉ: tổ 7, phường I, TP Cao Bằng). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

6. Đinh Ích I

7. Nguyễn Thị Thanh K

Cùng địa chỉ: Tổ 14 phường I, TP Cao Bằng. Đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

8. Nguyễn Thị Hoài L

Địa chỉ: Xóm F, Xã S, Quảng Hòa, Cao Bằng. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

9. Nguyễn Văn M

Địa chỉ: Xóm F, Xã S, huyện Z, Cao Bằng. Có mặt.

10. Đặng Thị Q (đang chấp hành án tại trại giam Phú Sơn 4, Phú Lương, Thái Nguyên). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

11. Hoàng Thị N (địa chỉ: Xóm V, Ngọc Động, Huyện Z, Cao Bằng). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

12. Đinh Văn O

Địa chỉ: Tổ 17, phường X, Thành phố Cao Bằng. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

13. Phạm Văn Dương (không xác định được địa chỉ)

14. Lê An P - sinh năm 1971.

Địa chỉ: Tổ 8 (nay là tổ 3), phường I, Thành phố Cao Bằng. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Đinh Thị A và bị đơn Đinh Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Đinh Thị A trình bày:* Ngày 22/7/2016, tôi chuyển tiền cho Đặng Thị Q 140.000.000đ, có giấy vay tiền viết tay, lý do nhờ xin việc cho con, hạn hết tháng 12/2016 với điều kiện nếu con tôi không đủ điểm trúng tuyển làm việc thì Q sẽ trả lại đầy đủ. Do không xin được việc cho con tôi, Q hẹn hết tháng 12 năm 2016 trả tiền nhưng vẫn chưa trả. Tôi đã yêu cầu Q phải trả tiền nhiều lần nhưng Q vẫn trì hoãn không trả.

Sau đó, nghe thông tin bà B là "thầy bói" có kỹ năng biết cách đòi tiền nợ nên tôi đến nhờ bà B đòi nợ của Q. Bà B bảo tôi gửi tiền thủ tục làm lễ mới đòi được tiền mà Q đang nợ. Sau khi nhờ bà B, Q đã trả cho tôi 128.000.000đồng. Khi biết Q chuyển tiền cho tôi, bà B yêu cầu tôi chuyển tiền lại cho bà B để làm thủ tục. Tôi đã đưa tiền làm lễ cho bà B nhiều lần tổng cộng là 460.500.000đồng. Tôi đưa tiền cho bà B với hình thức là đưa trực tiếp 18.000.000đồng, gửi qua số tài khoản của những người mà bà B cung cấp như gửi cho ông Nguyễn Văn Văn G 10 lần với số tiền 133.000.000đồng, gửi cho ông Nguyễn Văn D 16 lần với 228.000.000đồng, ông Lê An P 04 lần với số tiền 28.000.000đồng, số còn lại gửi qua xe khách. Việc tôi gửi tiền cho bà B là do bà B yêu cầu, bà B nói nếu tôi không chuyển tiền thì tôi hoặc gia đình tôi sẽ bị đau, bị ốm, bị chết. Việc tôi chuyển tiền cho bà B không lập biên bản và không có ai chứng kiến. Bà B đã lợi dụng lòng tin của tôi và lừa tôi. Đến thời điểm hiện tại bà B đã trả tôi 06 lần với tổng số tiền 178.000.000đồng. Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 và biên bản hòa giải ngày 25/01/2019, tôi yêu cầu bà B phải trả cho tôi 315.500.000đồng và lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp từ tháng 02/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ việc. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 23/10/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm tôi yêu cầu bà Đinh Thị B trả lại cho tôi số tiền 282.500.000đồng và lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp từ tháng 02/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ việc.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Đinh Thị B trình bày:* Khoảng tháng 02 năm 2017 tôi có giúp bà A đòi nợ chị Q thông qua hình thức làm lễ và chưa nhận được tiền công từ bà A. Lý do bà A chuyển nhiều tiền cho tôi như vậy là vì bà A bảo rằng tôi đòi nợ Q nặng tay quá nên mọi người trong gia đình Q đều bị ốm đau, đi viện, nay phải đền nhân mạng không thì họ kiện cả hai người. Khi bà A chuyển tiền cho tôi không lập biên bản, không có ai chứng kiến. Do tôi bị tàn tật hai chân không đi được nên có nhờ người khác nhận tiền giúp. Tôi nhận của bà A thông qua P, Văn G, Q tổng cộng là 227.000.000đồng.

Đến nay tôi đã trả hết tiền cho bà A, cụ thể: trả cho bà A 178.000.000đồng và trả cho một người phụ nữ có đuôi số điện thoại 257 mà bà A cung cấp, ban đầu do chưa tìm và kiểm tra được điện thoại nên tôi tưởng đã đưa cho người phụ nữ này số tiền là 117.000.000đồng, nhưng sau đó khi tìm thấy điện thoại mới biết đã đưa cho người phụ nữ nhiều hơn 117.000.000đồng. Người phụ nữ có số đuôi điện thoại 257 là người được bà A cử để theo dõi Q, tôi không quen biết người này. Sau khi trả tiền cho bà A (tính cả trả trực tiếp cho bà A và trả qua người phụ nữ có số đuôi điện thoại 257), tôi mới biết mình đã chuyển cho bà A thừa 87.000.00đồng, chứ không phải là 58.000.000đồng như những lời khai của tôi trước đó. Nay bà A yêu cầu tôi phải trả số tiền 282.500.000đồng và lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp từ tháng 02/2017 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ việc tôi không nhất trí và tôi cũng có đề nghị bà A phải trả lại cho tôi 87.000.000đồng mà tôi đã trả vượt quá cho bà A.

Về việc bà A khai đã chuyển tiền cho tôi qua số tài khoản của ông D 228.000.000đồng là không đúng. Tôi có quen biết bình thường với ông D, do ông D là xe ôm, tôi đi lại không được nên hay gọi ông D đón. Bà A có hỏi nhờ số tài khoản thì tôi hỏi số tài khoản và số điện thoại ông D đưa cho bà A để hai bên tự liên lạc với nhau. Còn việc sau đó bà A và ông D liên lạc trao đổi như thế nào thì không liên quan đến tôi. Tôi không được nhận số tiền 228.000.000đồng mà bà A gửi cho ông D.

**Trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có lời khai như sau:*

- *Lời khai của Đặng Thị Q (bút lục 125):* Năm 2017 tôi có được vay của bà Đinh Thị A 130.000.000đồng để kinh doanh buôn bán. Tôi đã trả cho bà A 128.000.000đồng (trong đó trả trực tiếp cho vợ chồng bà A là 80.000.000đồng; gửi qua Phạm Văn Dương (cháu của bà A) để trả cho bà A là 48.000.000đồng).

- *Lời khai của ông Nguyễn Văn D (tại bút lục số 94, 143):* Do bà B nói với tôi có người quen muốn gửi nhờ tiền vào số tài khoản nên tôi lấy số tài khoản cho bà B. Khi có tiền trong tài khoản là có người phụ nữ gọi điện thoại cho tôi hỏi đang ở đâu, có đi rút tiền được luôn không? Tôi cũng không rõ người này là ai. Mỗi lần tôi rút tiền xong liên lạc bà A nói rằng đã rút xong thì có một người phụ nữ khoảng ngoài 30 tuổi đi xe Airblade, đeo khẩu trang, chờ sẵn ở cây ATM để lấy tiền. Lần đầu tiên tôi có hỏi "Người của bà A phải không?" thì thấy họ trả lời "ừ" nên tôi không hỏi nữa. Tôi không biết sự việc giữa bà B và bà A như thế nào. Tôi chỉ nghĩ đơn giản là họ giao dịch mua bán gì đó với nhau

không có sổ tài khoản thì nhờ tôi. Tôi chỉ là người trung gian được bà A nhờ gửi tiền vào tài khoản và hứa sẽ cho tôi 2.000.000đồng nhưng đến nay tôi chưa nhận được gì, tôi chưa được hưởng lợi gì từ việc này.

- *Lời khai của ông Nguyễn Văn Văn G (tại bút lục số 96) như sau:* Tôi là người quen với bà B. Do bà B không có sổ tài khoản nên có nhờ sổ tài khoản của tôi. Tôi đã nhận toàn bộ số tiền 133.000.000đồng do bà A gửi nhưng tôi đã rút toàn bộ số tiền đó và đưa cho bà B hết, bà B có trả tiền công cho tôi khoảng 2.000.000đồng.

- *Lời khai của ông Nguyễn Văn M:* Tôi là chồng bà A. Tôi được thay vợ tôi gửi tiền theo xe ô tô cho bà B 01 lần và cũng được lấy sổ tài khoản của mình để bà A và bà B chuyển tiền với nhau. Nhưng do thời gian đã lâu nên số tiền, thời gian cụ thể như nào tôi cũng không nhớ.

- *Lời khai của Nguyễn Thị Hoài L (bút lục 82):* Tôi là con của bà A. Ngày 23/3/2017 do mẹ tôi bận nên có nhờ tôi chuyển tiền cho bà B qua xe khách là 30.000.000đồng.

- *Lời khai của Đinh Ích I (bút lục 93):* Tôi là em của bà A. Bà A có nhờ sổ tài khoản của tôi để nhận tiền từ bà B. Tôi được ông D chuyển cho 15.000.000đồng, Lã Văn Đ chuyển cho 35.000.000đồng. Tôi đã chuyển toàn bộ số tiền này cho bà A.

- *Lời khai của Nguyễn Thị Thanh K (bút lục 84):* Tôi là em dâu của bà A. Ngày 24/3/2017, bà A có mượn tôi và nhờ tôi chuyển cho ông Nguyễn Văn D 15.000.000đồng.

- *Lời khai của Hoàng Thị N (bút lục 83):* Tôi là đồng nghiệp của bà A. Ngày 20/3/2017, bà A có nhờ tôi gửi vào sổ tài khoản ông Lê An P 10.000.000đồng.

- *Lời khai của Đinh Văn O (bút lục 174):* Tôi là em trai bà A. Ngày 24/3/2017 bà A có vay tiền tôi và nhờ tôi chuyển khoản cho ông Nguyễn Văn D 15.000.000đồng.

- *Lời khai của Lã Văn Đ (bút lục 98):* Tôi quen biết với bà B, vào tháng 5/2017 bà B có đưa tiền mặt và nhờ tôi chuyển khoản cho Đinh Ích I 02 lần với tổng số tiền là 35.000.000đồng.

- *Lời khai của Nguyễn Văn E (bút lục 95):* Ngày 19/6/2017 bà B có nhờ tôi chuyển tiền về cho bà A qua chồng bà A là ông Nguyễn Văn M với số tiền 70.000.000đồng.

- *Lời khai của Phùng Thị H (bút lục 97)*: Ngày 21, 22/6/2017, bà B đưa tiền mặt và nhờ tôi gửi cho ông Nguyễn Văn M với tổng số tiền là 25.000.000đồng.

- *Lời khai của ông Lê An P*: Tôi được bà B nhờ số tài khoản để nhận tiền từ bà A là 28.000.000đồng, sau đó tôi đã rút và đưa đủ cho bà B số tiền 28.000.000đồng.

- Đối với Phạm Văn Dương là người giúp bà A nhận 48.000.000đồng từ Đặng Thị Q. Do không xác định được địa chỉ của Dương nên không lấy được lời khai. Tuy nhiên, tại tất cả các lời khai, bà Đinh Thị A cũng đều xác nhận Đặng Thị Q đã trả cho bà số tiền 128.000.000đồng (trong đó có 48.000.000đồng là do Dương nhận giúp), phù hợp với lời khai của Q.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng đã áp dụng:

Căn cứ vào: điều 117, 123, 131, 166 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Thị A. Buộc bà Đinh Thị B phải trả lại cho bà Đinh Thị A số tiền **49.000.000đồng** (*Bốn mươi chín triệu đồng*).

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Thị A về việc buộc bị đơn Đinh Thị B phải trả lại số tiền 233.500.000đồng và không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Thị A về việc yêu cầu bà B phải trả lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp từ tháng 02/2017 cho đến nay.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị B về việc buộc bà Đinh Thị A phải trả lại cho bà B số tiền 87.000.000đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm cũng tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/7/2020, nguyên đơn Đinh Thị A đã kháng cáo bản án sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phục Hòa. Tại đơn kháng cáo bà A yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc bà B trả lại số tiền đã chuyển cho ông D là 228 triệu.

Ngày 28/7/2020, bị đơn Đinh Thị B kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm vì đã trả vượt quá số tiền nợ cho bà A. Ngày 12/11/2020 bà B có đơn

kháng cáo bổ sung yêu cầu bà Tuyết trả lại cho bà B số tiền trả vượt quá là 87 triệu đồng.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị A trình bày : Yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà B trả lại cho tôi số tiền đã chuyển cho ông D là 228.000.000đồng.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị B trình bày: Không nhất trí trả cho bà A là 49 triệu như bản án sơ thẩm tuyên, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà A trả lại cho tôi số tiền 87 triệu mà tôi đã trả thừa cho bà A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Tại cơ quan công an huyện Quảng Hòa và tại phiên tòa sơ thẩm đều đã có căn cứ để khẳng định bà A đã chuyển số tiền 228.000.000 đồng vào tài khoản của ông D để ông D chuyển cho bà B là 16 lần, có chứng từ chứng minh, số tài khoản và điện thoại của ông D của ông D là do bà B cung cấp. Ông D cũng khẳng định là không có quan hệ quen biết và không giao dịch với bà A. Do vậy bà B phải có trách nhiệm trả.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Việc bà A cho rằng bà A đã chuyển tiền cho ông D, nhưng ông D đã có lời khai tại cơ quan điều tra, nên không có căn cứ để khẳng định bà B đã nhận được số tiền 228 triệu từ ông D. Ông D có trình bày sau khi rút tiền ra đã đưa cho người của bà A. Nếu chị A cho rằng chuyển tiền làm lễ thì không nhất thiết phải chuyển làm rất nhiều lần như vậy. Yêu cầu tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Thời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung và căn cứ giải quyết: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, qua yêu cầu kháng cáo của các bên đương sự và phần tranh luận tại phiên tòa có đủ căn cứ để không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị A và bị đơn Đinh Thị B.

Căn cứ khoản 1 điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ kết quả tranh tụng:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn Đinh Thị A khởi kiện yêu cầu bị đơn Đinh Thị B trả lại số tiền mà bà A đã chuyển cho bà B, cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ tranh chấp “Đòi lại tài sản” là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Hai bên đương sự đều trú tại xã Hạnh Phúc, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Ngày 14/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa tuyên bản án sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST về việc “Đòi lại tài sản” giữa nguyên đơn Đinh Thị A và bị đơn Đinh Thị B. Ngày 28/7/2020, Nguyên đơn Đinh Thị A, bị đơn Đinh Thị B gửi đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa. Đơn kháng cáo được gửi trong thời hạn luật định và các đương sự thuộc trường hợp được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết 326, như vậy đơn kháng cáo là hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị Q, Nguyễn Văn D, Lã Văn Đ, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn Văn G, Phùng Thị H, Đinh Ích I, Nguyễn Thị Thanh K, Nguyễn Thị Hoài L, Hoàng Thị N, Đinh Văn O, Lê An P vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Văn Dương do không xác định được địa chỉ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo và các căn cứ kháng cáo:

[4.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị A.

Bà A yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc bà B trả lại số tiền mà bà A đã chuyển vào tài khoản cho ông D 228 triệu theo yêu cầu của bà B. HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Theo lời khai của bà A thì việc bà gửi tiền cho bà B là do bà A nhờ bà B đòi nợ Q giúp (bằng cách làm bụt). Sau đó, bà B bảo bà A gửi tiền thủ tục làm lễ mới đòi được tiền mà Q nợ. Việc bà A chuyển tiền cho bà B là do bà

B yêu cầu, bà B nói nếu bà A không chuyển tiền thì bà A hoặc gia đình bà sẽ bị đau, bị ốm, bị chết. Còn bà B lại khai lý do bà A chuyển nhiều tiền cho bà B như vậy là vì bà A bảo rằng bà B đòi nợ Q nặng tay quá nên mọi người trong gia đình Q đều bị ốm đau, đi viện, nay phải đền nhân mạng không thì họ kiện cả hai người. Như vậy, xét về lý do để các bên tiến hành giao dịch chuyển và nhận tiền cho nhau là liên quan đến hoạt động mê tín bị pháp luật nghiêm cấm. Theo quy định tại điều 117, 123 của Bộ luật dân sự thì giao dịch giữa bà A và bà B là một giao dịch dân sự vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật, khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do đó, việc bà A yêu cầu bà B phải trả lại tiền mà bà A đã chuyển cho bà B là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên từ khi thụ lý vụ án cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, bà B chỉ thừa nhận được nhận tổng số tiền 227.000.000đ với bà A. Còn việc bà A cho rằng đã chuyển số tiền 228 triệu cho bà B thông qua tài khoản của ông D. Tuy nhiên, bà B cho rằng bà chỉ cho bà A số điện thoại và số tài khoản của ông D để hai bên tự liên lạc với nhau, còn việc sau đó bà A và ông D liên lạc trao đổi như thế nào thì bà không biết và bà B không được nhận số tiền 228.000.000đồng mà bà A gửi qua tài khoản ông D. Hơn nữa ông D cũng khẳng định sau khi bà A gửi tiền vào tài khoản của ông thì ông đã rút tiền và đưa cho một người phụ nữ ngoài 30 tuổi đi xe Airblade đeo khẩu trang kín chờ sẵn ở cây ATM mà ông D tưởng đó là người của bà A, vì khi đó ông D hỏi có phải người của bà A không thì người phụ nữ đó thừa nhận là người bà A. Xét lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy không đủ căn cứ để chứng minh bà Đinh Thị B đã nhận số tiền 228.000.000đồng mà bà A đã chuyển cho ông Nguyễn Văn D. Như vậy, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị A về việc buộc bà B phải trả số tiền 228 triệu là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét sử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà A cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ bổ sung để bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của mình. Từ những phân tích và nhận định nêu trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị A.

[4.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của Đinh Thị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà B không nhất trí với việc cấp sơ thẩm buộc bà trả lại cho bà A số tiền 49.000.000đ và không chấp nhận việc bà yêu cầu buộc bà A phải trả cho bà B số tiền 87.000.000đồng.

* Đối với nội dung bà B kháng cáo không nhất trí với việc cấp sơ thẩm

buộc bà trả 49 triệu cho bà A: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm hôm nay bà B thừa nhận là được nhận với bà A số tiền là 227 triệu, và bà đã trả cho bà Tuyết số tiền là 265 triệu. Còn đối với bà A tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay cũng thừa nhận là chỉ nhận được số tiền từ bà B là 178 triệu đồng ngoài ra không nhận được khoản nào khác từ bà A, qua các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, qua lời trình bày và thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa hôm nay có đủ cơ sở để xác định bà B đã trả được cho bà A số tiền là 178.000.000đồng (*trong đó chuyển qua tài khoản của Đinh Ích I 03 lần tổng số tiền là 50.000.000đồng, qua tài khoản Nguyễn Văn M (chồng bà A) 03 lần với tổng số tiền là 95.000.000đồng, bà A nhận trực tiếp từ bà B 02 lần với số tiền 18.000.000đồng, bà A nhận qua xe khách do bà B gửi là 15.000.000đồng (bút lục số 06)*). Như vậy, xác định được số tiền mà bà Đinh Thị B còn phải trả lại cho bà Đinh Thị A là $227.000.000\text{đồng} - 178.000.000\text{đồng} = 49.000.000\text{đồng}$ (*Bốn mươi chín triệu đồng*). Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bà Đinh Thị B phải trả lại cho bà Đinh Thị A số tiền còn nợ lại 49.000.000đ là có căn cứ.

* Đối với nội dung kháng cáo buộc bà A phải trả cho bà B số tiền 87 triệu đồng là số tiền trả vượt quá 178 triệu. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, việc bà B cho rằng đã chuyển trả cho bà A vượt quá số tiền 178 triệu và cho rằng là đã trả cho người nhà của bà A có số điện thoại 3 số cuối là 275, nhưng bà A không thừa nhận người có 3 số cuối có số điện thoại 275 là người nhà của bà, cũng không thừa nhận là người quen của bà A, hơn nữa tại phiên tòa hôm nay bà B cũng không có tài liệu gì khác chứng minh những lần chuyển tiền đó đã đến tay bà A, và bà A cũng không biết người đó là ai. Đối với chứng cứ là bảng liệt kê tin nhắn chi tiết trong máy điện thoại do bà B gửi kèm theo đơn kháng cáo bổ sung, đây chỉ là những nội dung do bà tự kê ra không có cơ quan có thẩm quyền xác nhận, hơn nữa tại cấp sơ thẩm bà cũng đã cung cấp bảng kê này để cấp sơ thẩm xem xét nên có căn cứ để cấp phúc thẩm xem xét. Do đó đối với nội dung kháng cáo này không có căn cứ để chấp nhận. Từ những phân tích và nhận định nêu trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị B.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Đinh Thị A, bị đơn Đinh Thị B là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội khó khăn và có đơn xin miễn án phí, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Căn cứ vào Điều 117, 123, 131, 166 của Bộ luật dân sự; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bác đơn kháng cáo của bà Đinh Thị A, bà Đinh Thị B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 14/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Thị A. Buộc bà Đinh Thị B phải lại cho bà Đinh Thị A (trú tại: Hồng Định III, xã Hạnh phúc, huyện Huyện Z, tỉnh Cao Bằng) với số tiền là **49.000.000đồng** (*Bốn mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bà B chưa chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà B còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đinh Thị A về việc buộc bị đơn Đinh Thị B phải trả lại số tiền 228.000.000đồng và việc yêu cầu bà B phải trả lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp từ tháng 02/2017 cho đến nay.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị B về việc buộc bà Đinh Thị A phải trả lại cho bà B số tiền 87.000.000đồng.

Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

Bà Đinh Thị A và bà Đinh Thị B được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm.

Bà Đinh Thị A được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.887.500đồng (*Bảy triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) theo

biên lai số AA/2016/0000826 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Uyên, Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS huyện Quảng Hòa;
- TAND huyện Quảng Hòa;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như